

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1072*/STP-HCTP&BTTP
V/v đề nghị tham gia ý kiến vào dự
thảo Thông tư của Bộ Tư pháp

Quảng Trị, ngày *01* tháng *9* năm 2021

Kính gửi: Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực-Bộ Tư pháp có Công văn số 723/HTQTCT-HT ngày 26/8/2021 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP.

Sở Tư pháp đề nghị các Phòng Tư pháp gửi bản dự thảo Thông tư để UBND các xã, phường, thị trấn tham gia ý kiến, tổng hợp ý kiến tham gia của Phòng Tư pháp và UBND các xã, phường, thị trấn, gửi về Sở Tư pháp trước ngày **14/9/2021**, đồng thời gửi qua địa chỉ email: nguyenthilinhstp@quangtri.gov.vn để tổng hợp, gửi Bộ Tư pháp.

Nội dung của Công văn này và dự thảo Thông tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ: sotuphapquangtri.gov.vn → tin tức-nghiên cứu, trao đổi → tin tức chuyên ngành → hành chính tư pháp. Đề nghị Phòng Tư pháp và UBND các xã, phường, thị trấn đăng nhập vào Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp để tải nội dung của dự thảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở;
- Trang TTĐT của Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCTP&BTTP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hoài Nam

Số: /2021/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 3

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến

*Căn cứ Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (sau đây gọi là Nghị định số 87/2020/NĐ-CP) về việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; quy trình đăng ký hộ tịch trực tuyến; xác nhận thông tin hộ tịch; ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý giấy tờ hộ tịch điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan nhà nước ở trung ương.
2. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trong nước và các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện).
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đăng ký hộ tịch trực tuyến.

Điều 3. Kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

Việc kết nối chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, các Cơ sở dữ liệu khác và việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh để giải quyết thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nền tảng NDXP), trừ trường hợp có sự thống nhất về phương thức kết nối khác giữa Bộ Tư pháp với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu, nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các thông tin Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cung cấp cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP được thực hiện ngay tại thời điểm cơ quan hộ tịch đăng ký vào sổ hộ tịch và lưu chính thức vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Trường hợp vì lý do kỹ thuật mà không kết nối, chia sẻ được tại thời điểm đăng ký, thì các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm phối hợp, xử lý trong thời hạn 5 ngày làm việc. Thời điểm thiết lập thông tin được tính từ thời điểm đăng ký vào sổ hộ tịch.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

1. Trường hợp đăng ký khai sinh từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2016, được cấp số định danh cá nhân khi đăng ký khai sinh thì thông tin của người được đăng ký khai sinh trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là thông tin gốc, là nguồn đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chỉ được sửa đổi, bổ sung theo Trích lục thay đổi hộ tịch, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc huỷ bỏ giá trị pháp lý theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ giá trị pháp lý đối với thông tin khai sinh được cập nhật, lưu vết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung và kết nối, chia sẻ, bảo đảm đồng bộ ngay với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc huỷ bỏ giá trị pháp lý thông tin đăng ký khai sinh, huỷ bỏ số định danh cá nhân đã cấp cho người được đăng ký khai sinh do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trao đổi xử lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa hai Cơ sở dữ liệu.

2. Trường hợp đăng ký hộ tịch, số hoá sổ hộ tịch không thuộc Khoản 1 Điều này mà có thông tin công dân không thống nhất giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch nơi đã thực hiện việc đăng ký hộ tịch hoặc số hoá sổ hộ tịch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an cùng cấp kiểm tra, xác minh, xác định thông tin đúng, chính xác và căn cứ kết quả xác minh để thực hiện điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu theo quy định, bảo đảm thống nhất giữa hai Cơ sở dữ liệu. Việc điều chỉnh thông tin phải được lưu vết về người quyết định cho phép, người thực hiện, thời gian, nội dung điều chỉnh.

3. Trường hợp thông tin hộ tịch của công dân trong các cơ sở dữ liệu khác (nếu có) không phù hợp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì xác định thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là thông tin gốc, là căn cứ để điều chỉnh thông tin công dân trong các cơ sở dữ liệu khác.

Trường hợp có giấy tờ, tài liệu khác chứng minh thông tin trong cơ sở dữ liệu khác có trước, thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm trao đổi với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để xác minh, làm rõ. Nếu có cơ sở pháp lý thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hướng dẫn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện việc cải chính hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 5. Mức độ đăng ký hộ tịch trực tuyến

1. Khi các điều kiện được chuẩn bị sẵn sàng, cơ quan đăng ký hộ tịch triển khai thực hiện đăng ký trực tuyến mức độ 4 đối với việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; cấp bản sao trích lục hộ tịch; cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và việc hộ tịch khác khi điều kiện cho phép theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đăng ký trực tuyến mức độ 3 đối với tất cả các việc hộ tịch khác còn lại.

2. Cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến phù hợp với mức độ triển khai dịch vụ công trực tuyến tại địa phương ở trong nước hoặc tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Trường hợp chưa tiếp nhận, giải quyết đăng ký hộ tịch trực tuyến thì có văn bản thông báo cho người yêu cầu và nêu rõ lý do. Văn bản thông báo có thể gửi qua thư điện tử nếu người yêu cầu có địa chỉ thư điện tử.

Điều 6. Nộp, tiếp nhận, trả kết quả đăng ký hộ tịch trực tuyến

Việc nộp, tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Bản quét, bản chụp các giấy tờ sử dụng gửi trong hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung; được quét, chụp từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định.

Trường hợp người yêu cầu không cung cấp đầy đủ bản quét, bản chụp các giấy tờ cần thiết theo quy định hoặc bản quét, bản chụp được gửi kèm theo yêu cầu đăng ký hộ tịch không đáp ứng yêu cầu thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến.

Trường hợp giấy tờ phải gửi đính kèm trong hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đã có bản điện tử (bản sao chứng thực điện tử hoặc đã được số hoá hợp lệ) thì sử dụng bản điện tử này.

Trường hợp người yêu cầu cung cấp số định danh cá nhân hoặc số Thẻ căn cước công dân thì không phải gửi kèm theo trong hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến bản chụp, bản quét giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin trong hồ sơ và gửi lại biểu mẫu điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số để người yêu cầu kiểm tra, xác thực tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu

điện tử thông qua chức năng tiện ích cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

Nếu người yêu cầu xác thực thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch tiến hành giải quyết hồ sơ.

3. Trình tự, thủ tục giải quyết các việc đăng ký hộ tịch sau khi tiếp nhận hồ sơ trực tuyến được thực hiện theo quy định của Luật hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

4. Việc trả kết quả đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP.

Trường hợp thực hiện đăng ký trực tuyến mức độ 3, khi đến nhận kết quả theo Phiếu hẹn, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh về nhân thân; nộp hoặc xuất trình giấy tờ đã gửi bản chụp, bản quét trong hồ sơ đăng ký trực tuyến để lưu hồ sơ hoặc kiểm tra, đối chiếu theo quy định pháp luật hộ tịch, trừ giấy tờ đã nộp bản điện tử (nếu có).

Người trả kết quả thủ tục hành chính có trách nhiệm đối chiếu, kiểm tra tính xác thực, thống nhất của giấy tờ, hồ sơ do cá nhân nộp, xuất trình, nếu thấy đúng, đủ, hợp lệ thì hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký hộ tịch ký vào sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo quy định và trả kết quả cho người yêu cầu.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký hộ tịch không cung cấp được giấy tờ đã gửi trực tuyến hoặc giấy tờ xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả hoặc không đến nhận kết quả đăng ký trong thời hạn quy định thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, trừ trường hợp người yêu cầu không thể đến nhận kết quả đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng.

Điều 7. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

1. Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch (bao gồm cả bản sao Giấy khai sinh) được thực hiện trực tuyến mức độ 4.

Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết của giấy tờ hộ tịch yêu cầu cấp bản sao, gồm: tên giấy tờ hộ tịch; số, thời gian, cơ quan đã đăng ký việc hộ tịch.

2. Trường hợp không cung cấp được đầy đủ các thông tin nêu tại Khoản 1 Điều này, thì người yêu cầu phải cung cấp được thông tin cơ bản trong giấy tờ hộ tịch đã đăng ký để có cơ sở tra cứu.

Ví dụ: - Đề nghị cấp bản sao Trích lục kết hôn nhưng không cung cấp được số Giấy chứng nhận kết hôn, ngày tháng năm đăng ký kết hôn thì phải cung cấp được các thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh của vợ và chồng.

- Đề nghị cấp bản sao Giấy khai sinh nhưng không cung cấp được số Giấy khai sinh, ngày tháng năm đăng ký khai sinh thì phải cung cấp được họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh của người được khai sinh; họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh của cha, mẹ người được khai sinh.

3. Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch không cung cấp đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

Điều 8. Xác nhận thông tin hộ tịch của một cá nhân

1. Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, sổ đăng ký hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch cho cá nhân có yêu cầu trong các trường hợp sau:

a) Xác nhận thông tin về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký, nhưng nội dung đăng ký đã có sự thay đổi, cải chính hoặc điều chỉnh.

Ví dụ: - Xác nhận thông tin về việc kết hôn của một cá nhân, nhưng đã thực hiện việc thay đổi họ tên, cải chính năm sinh của người vợ hoặc chồng hoặc hai vợ chồng đã ly hôn.

- Xác nhận thông tin khai sinh của một cá nhân do đã thay đổi chữ đệm, xác định lại dân tộc hoặc được thôi quốc tịch Việt Nam.

Nếu thông tin hộ tịch của cá nhân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì không cấp xác nhận hộ tịch mà cấp bản sao Trích lục hộ tịch tương ứng, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức để giải quyết vụ việc liên quan đến công dân.

b) Xác nhận các thông tin hộ tịch khác nhau theo yêu cầu của cá nhân.

Ví dụ: - Xác nhận toàn bộ các thông tin hộ tịch của một cá nhân, bao gồm: các thông tin về việc đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc; nhận cha, mẹ, con, giám hộ, đăng ký khai tử...

- Xác nhận thông tin về một nhóm việc hộ tịch liên quan đến mối quan hệ cha, mẹ, con, quan hệ hôn nhân hay quan hệ gia đình, gồm: thông tin về đăng ký khai sinh; đăng ký nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nhận nuôi con nuôi; thông tin về kết hôn, ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn...

c) Xác nhận thông tin về cùng một người trong trường hợp người đó đã đăng ký hộ tịch, có giấy tờ hộ tịch nhưng thông tin cá nhân trong các giấy tờ hộ tịch không thống nhất.

Ví dụ: - Cá nhân có Giấy khai sinh ghi là Trần Văn Q, sinh năm 1963; Giấy chứng nhận kết hôn ghi là Trần Mạnh Q, sinh năm 1965;

- Giấy khai sinh ghi Lê Mạnh A, sinh năm 1971; Giấy chứng nhận kết hôn ghi Lê Văn A, sinh năm 1970; Trích lục đăng ký nhận cha mẹ con ghi Lê Ngọc Á, sinh năm 1973; Trích lục khai tử ghi Lê Hoàng A, sinh năm 1972.

Người yêu cầu phải gửi kèm theo bản chụp hoặc bản quét hoặc bản sao chứng thực điện tử các giấy tờ, tài liệu có liên quan để chứng minh thông tin hộ tịch. Trường hợp cần xác minh, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch nhận được yêu cầu có văn bản đề nghị cơ quan công an, các cơ quan liên quan khác xác minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP. Trường hợp kết quả xác minh không có thông tin hoặc thông tin không thống nhất với giấy tờ người yêu cầu cung cấp thì từ chối cấp xác nhận thông tin hộ tịch.

d) Văn bản xác nhận thông tin theo yêu cầu của cá nhân phải nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm đăng ký ban đầu; nội dung, căn cứ và thời gian thực hiện các việc thay đổi, điều chỉnh thông tin cho đến thời điểm cấp văn bản xác nhận.

2. Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, chức năng của cơ quan, tổ chức có yêu cầu, cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu trong các trường hợp sau:

a) Xác nhận thông tin về một việc hộ tịch hoặc một số việc hộ tịch của cá nhân đã được đăng ký.

Ví dụ: - Xác nhận thông tin về việc đăng ký khai sinh của ông Nguyễn Văn A;

- Xác nhận các thông tin: đăng ký khai sinh, thông tin ghi vào sổ việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản án/Quyết định ly hôn, xác định mối quan hệ cha, mẹ, con, Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam...);

- Xác nhận toàn bộ thông tin hộ tịch của cá nhân (bao gồm tất cả thông tin về các việc hộ tịch của cá nhân từ khai sinh, kết hôn, đến đăng ký khai tử ... đã đăng ký, lưu vết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử).

b) Xác nhận thông tin hộ tịch của nhiều cá nhân khác nhau.

Ví dụ: - Xác nhận thông tin đăng ký khai sinh của tất cả các con của một cặp vợ chồng;

- Xác nhận thông tin đăng ký khai sinh của các trường hợp sinh năm 2020, cư trú tại phường A.

c) Việc xác nhận thông tin hộ tịch theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đúng quy định pháp luật về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, danh dự, uy tín của cá nhân.

Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức tùy theo yêu cầu, chức năng của cơ quan, tổ chức có thể nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm đăng ký ban đầu; nội dung, căn cứ và thời gian thực hiện các việc thay đổi, điều chỉnh thông tin cho đến thời điểm cấp văn bản xác nhận hoặc chỉ xác nhận thông tin về việc đăng ký hộ tịch (số, thời gian, cơ quan đăng ký việc hộ tịch) hoặc xác nhận số liệu thống kê việc hộ tịch đã được đăng ký.

Ví dụ: - Trường hợp đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch của một cá nhân phục vụ hoạt động điều tra, xác minh, tố tụng của cơ quan điều tra, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch căn cứ chức năng và đề nghị của cơ quan yêu cầu có thể cấp văn bản xác nhận toàn bộ các thông tin hộ tịch của cá nhân đã được đăng ký, trong đó nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm, cơ quan đăng ký ban đầu và các lần thay đổi, điều chỉnh đến thời điểm xác nhận;

- Trường hợp xác nhận thông tin về việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn A phục vụ việc kiểm tra, giải quyết việc ly hôn hoặc việc tranh chấp dân sự khác của cơ quan tố tụng thì văn bản xác nhận thông tin hộ tịch chỉ xác nhận việc ông Nguyễn Văn A đã đăng ký kết hôn, thông tin về số Giấy chứng nhận kết hôn, thời gian, cơ quan đăng ký;

- Trường hợp xác nhận thông tin phục vụ việc kiểm tra, đánh giá tỷ lệ học sinh được đến trường theo yêu cầu của nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục thì tùy theo đề nghị, văn bản xác nhận thông tin hộ tịch có thể cung cấp số liệu thống kê về số trẻ em theo địa bàn cư trú, năm sinh hoặc cung cấp danh sách trẻ em kèm theo thông tin về việc đăng ký khai sinh (số Giấy khai sinh, thời gian, cơ quan đăng ký khai sinh).

3. Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch có giá trị như giấy tờ hộ tịch, được sử dụng để chứng minh thông tin hộ tịch khi cá nhân tham gia các giao dịch dân sự, thực hiện thủ tục hành chính hoặc vụ việc khác liên quan đến thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân theo quy định pháp luật.

Điều 9. Thực hiện liên thông trực tuyến việc đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết yêu cầu thực hiện liên thông trực tuyến việc đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư này và hướng dẫn sau đây:

1. Người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là công dân Việt Nam yêu cầu thực hiện liên thông trực tuyến các thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi có trách nhiệm cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác theo yêu cầu của hệ thống trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh; xác định nơi đăng ký thường trú và nơi khám chữa bệnh theo Thẻ bảo hiểm y tế của trẻ em; gửi kèm theo bản quét hoặc bản chụp hoặc bản điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra các thông tin hộ tịch, thông tin về số định danh cá nhân, nơi cư trú thông qua chức năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nếu thông tin đã thống nhất, đầy đủ thì công chức giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh, chuyển trả Giấy khai sinh cho người yêu cầu, đồng thời chuyển thông tin đăng ký khai sinh điện tử, yêu cầu đăng ký cư trú cho Cơ sở dữ liệu cư trú của cơ quan Công an; gửi thông tin đăng ký khai sinh điện tử, yêu cầu đăng ký nơi khám chữa bệnh cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm thông qua chức năng tiện ích cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

Nếu thông tin không thống nhất thì thực hiện theo nguyên tắc xử lý thông tin công dân quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm tiếp nhận, giải quyết theo quy định và xác nhận đã hoàn thành việc đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế trên hệ thống, đồng thời gửi tin nhắn qua điện thoại hoặc có thư điện tử thông báo kết quả giải quyết cho người yêu cầu.

Điều 10. Thực hiện liên thông trực tuyến việc đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí

Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết yêu cầu thực hiện liên thông trực tuyến việc đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau:

1. Người có yêu cầu thực hiện liên thông trực tuyến việc đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí có trách nhiệm cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác theo yêu cầu của hệ thống trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh; gửi kèm theo bản quét hoặc bản chụp hoặc bản điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra các thông tin hộ tịch, thông tin về số định danh cá nhân, nơi cư trú của người được đăng ký khai tử và của người đi đăng ký khai tử thông qua chức năng

kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nếu thông tin đã thống nhất, đầy đủ thì giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh, chuyển trả Trích lục khai tử cho người có yêu cầu, đồng thời thông qua chức năng tiện ích cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung chuyển thông tin đăng ký khai tử cho Cơ sở dữ liệu cư trú của cơ quan Công an để thực hiện việc xoá đăng ký thường trú; chuyển thông tin đăng ký khai tử, yêu cầu hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Nếu thấy thông tin không thống nhất thì thực hiện theo nguyên tắc xử lý thông tin công dân quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về cư trú chủ động thực hiện việc xoá đăng ký thường trú theo pháp luật về cư trú; cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm tiếp nhận, giải quyết yêu cầu hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí theo quy định và xác nhận đã hoàn thành việc giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời gửi tin nhắn qua điện thoại hoặc có thư điện tử thông báo kết quả giải quyết cho người yêu cầu.

Điều 11. Bản điện tử giấy tờ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác

1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Danh mục biểu mẫu bản điện tử giấy tờ hộ tịch (Phụ lục 1);

b) Danh mục nội dung các biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác tích hợp phục vụ đăng ký hộ tịch trực tuyến (Phụ lục 2).

2. Giá trị pháp lý của bản điện tử giấy tờ hộ tịch được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

a) Bản điện tử giấy tờ hộ tịch có giá trị sử dụng như giấy tờ hộ tịch bản giấy trong các giao dịch, thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; có giá trị thay thế các giấy tờ phải xuất trình khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

b) Mã QRcode trên bản điện tử giấy tờ hộ tịch có giá trị cung cấp thông tin về tính chính xác, hợp lệ, các thông tin chi tiết của giấy tờ hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

c) Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch do người yêu cầu đăng ký hộ tịch nộp, xuất trình có thể kiểm tra tính chính xác, thời hạn sử dụng, thông tin cập nhật của bản điện tử giấy tờ hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua mã QRCode trên Bản điện tử của giấy tờ hộ tịch.

Điều 12. Số hóa Sổ hộ tịch

1. Thông tin hộ tịch cần số hóa là thông tin hộ tịch đã được đăng ký trong các Sổ hộ tịch trước thời điểm sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

2. Trách nhiệm thực hiện số hóa

a) Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm số hóa các Sổ hộ tịch đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện;

b) Sở Tư pháp chịu trách nhiệm số hóa đối với các Sổ hộ tịch đã được đăng ký tại Sở Tư pháp hoặc đang được lưu trữ tại Sở Tư pháp và chịu trách nhiệm chung về tính chính xác, giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch được số hóa từ các Sổ hộ tịch được đăng ký, lưu trữ tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện) chịu trách nhiệm số hóa đối với các Sổ hộ tịch đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và chịu trách nhiệm chung về tính chính xác, giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch được số hóa từ các Sổ hộ tịch được đăng ký, lưu trữ tại địa bàn cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) chịu trách nhiệm số hóa các Sổ hộ tịch đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cơ quan chịu trách nhiệm số hóa Sổ hộ tịch có thể trực tiếp sử dụng công cụ hỗ trợ số hóa dữ liệu hộ tịch do Bộ Tư pháp cung cấp hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện số hóa nhưng phải tiến hành rà soát, kiểm tra bảo đảm tính chính xác, đầy đủ trước khi phê duyệt, chính thức cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Việc số hóa Sổ hộ tịch phải tuân thủ các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật có liên quan. Cơ quan chịu trách nhiệm số hóa Sổ hộ tịch chịu trách nhiệm về việc bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin hộ tịch được số hóa.

4. Quy trình thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch thực hiện theo tài liệu kỹ thuật do Bộ Tư pháp hướng dẫn.

Điều 13. Tạo lập bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân

1. Mỗi cá nhân có một bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất và duy nhất trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; tất cả thông tin hộ tịch của cá nhân được đăng ký hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh đều được cập nhật, lưu vết vào bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Trường hợp thiết lập bản ghi dữ liệu hộ tịch thông qua việc đăng ký khai sinh mới thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung thì bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân được cập nhật tự động.

Trường hợp thiết lập bản ghi dữ liệu hộ tịch cá nhân thông qua việc đăng ký các việc hộ tịch khác không phải đăng ký khai sinh hoặc thông qua việc số hóa Sổ hộ tịch theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này thì công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm sử dụng các tiện ích trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung để tìm kiếm, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cập nhật thông tin của công dân vào bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

3. Sau khi thực hiện cập nhật bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều này và nhận được số định danh cá nhân, cơ quan đăng ký hộ tịch căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thực hiện ghi bổ sung Số định danh cá nhân vào mục Số định danh cá nhân trong Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp Sổ đăng ký khai sinh trước đây không có mục Số định danh cá nhân thì ghi vào cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh, ghi rõ căn cứ: “bổ sung số định danh cá nhân từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử” và thực hiện ký, đóng dấu; chụp hoặc quét lại trang Sổ đăng ký khai sinh có nội dung ghi bổ sung để cập nhật trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, thay thế bản chụp hoặc bản quét trước đây.

Trường hợp công dân đăng ký khai sinh từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2016 có yêu cầu bổ sung Số định danh cá nhân trên bản chính Giấy khai sinh thì cơ quan

đăng ký hộ tịch căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc giấy tờ có liên quan như Căn cước công dân, văn bản xác nhận về số định danh cá nhân của cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục bổ sung thông tin hộ tịch theo quy định.

Điều 14. Quản lý, điều chỉnh thông tin hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

1. Thông tin hộ tịch của cá nhân đã được đăng ký, lưu chính thức trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là thông tin thuộc bản ghi dữ liệu điện tử của cá nhân, chỉ được điều chỉnh, thay đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân có yêu cầu và đã được cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền đồng ý thực hiện thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; ghi vào Sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc đã được cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; được cấp Trích lục hộ tịch, văn bản xác nhận thông tin hộ tịch tương ứng.

b) Thông tin hộ tịch của cá nhân sau khi được đăng ký trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử có sai lệch với hồ sơ đăng ký hộ tịch do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi nhập dữ liệu, thì cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử về việc sai lệch thông tin thông qua chức năng tiện ích trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung và chỉ được điều chỉnh thông tin khi được sự cho phép cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc cá nhân được phân quyền có trách nhiệm kiểm tra thông tin, hồ sơ trước khi quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định cho phép điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Điều 15. Hủy dữ liệu hộ tịch điện tử

1. Trường hợp việc đăng ký hộ tịch phát hiện có vi phạm quy định pháp luật, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý thì cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc đăng ký hộ tịch đó, sau khi nhận được văn bản thu hồi, hủy bỏ đã có hiệu lực pháp luật có trách nhiệm lập đề nghị hủy dữ liệu hộ tịch điện tử tương ứng trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thông qua các chức năng, tiện ích được cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung.

2. Đề nghị hủy dữ liệu hộ tịch điện tử gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin về dữ liệu hộ tịch cần hủy, như loại việc hộ tịch đã đăng ký, cơ quan đăng ký, số, thời gian cấp giấy tờ hộ tịch; thông tin cụ thể cần hủy bỏ;
- Lý do, căn cứ đề nghị hủy;
- Bản sao điện tử của văn bản thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cơ quan được giao trực tiếp quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm xem xét, phê duyệt các đề nghị hủy dữ liệu hộ tịch điện tử hợp lệ trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung và cho phép khôi phục lại thông tin hộ tịch điện tử trước đây (nếu có). Việc hủy dữ liệu hộ tịch điện tử được lưu vết thông tin về người thực hiện, thời gian thực hiện trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

4. Trường hợp thu hồi, hủy bỏ thông tin đăng ký khai sinh và phải hủy số định danh cá nhân thì cơ quan có trách nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải thống nhất với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi quyết định cho phép hủy dữ liệu.

5. Việc hủy dữ liệu hộ tịch điện tử, khôi phục lại thông tin hộ tịch điện tử được kết nối, chia sẻ bảo đảm cập nhật đồng bộ theo thời gian thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 16. Trách nhiệm, hiệu lực thi hành

1. Cơ quan đăng ký hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; tạo lập bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân thông qua các chức năng, tiện ích được cung cấp bởi Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

2. Cơ quan quản lý Sổ hộ tịch có trách nhiệm hoàn thành việc số hóa Sổ hộ tịch theo quy định tại Điều 12 Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ: Công an, Ngoại giao;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục HTQTCT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long